**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM DƯỢC CỔ TRUYỀN**

### Người bệnh bị sốt xuất huyết với các biểu hiện sau: sốt, vật vã, khát nước, đau cự án, ngũ tâm phiền nhiệt, không thuộc chứng bệnh nào dưới đây:

* 1. Âm chứng

B. Dương vượng

1. Âm hư
2. Dương hư

### Nguyên tắc chữa bệnh nào được áp dụng khi bệnh nhân mắc bệnh bẩm tố tạng dương hư :

* 1. Dùng thuốc bổ là chính
	2. Dùng thuốc có tính chất phát hãn
	3. Dùng phương pháp tiêu trị cấp
	4. Dùng thuốc có tính chất khu tà

### Người bẩm tố tạng dương hư cần tuyệt đối tránh điều nào sau đây:

* 1. Hạn chế ra ngoài, giữ ấm cơ thể, tránh gió lùa, hàn tà xâm nhập
	2. Dùng thuốc thuộc dương dược: quế chi, can khương

C. Dùng thuốc có tính hàn lương để chữa: hòe hoa, hà thủ ô đỏ

D. Dùng phương pháp cứu hoặc ôn châm để chữa

### Âm hư là chứng bệnh có các dấu hiệu sau, ngoại trừ:

* 1. Người nóng, khát, tiếng thở to, đau thiện án
	2. Người bệnh đau cự án, miệng khát, tâm phiền nhiệt
	3. Người bệnh chân tay nóng và ngực nóng, khát

D. Người bệnh sốt cao, mạch sác,hữu lực, thích uống nước nóng

### Vị thuốc có công năng: đại bổ nguyên khí; kiện tỳ, sinh tân dịch; bổ phế, bình suyễn là:

###  A. Cam thảo

1. Cát cánh
2. Nhân sâm
3. Đảng sâm

### Người xưa không vận dụng thuyết nào sau đây để chữa bệnh:

* 1. Thuyết âm dương
	2. Thuyết ngũ hành
	3. Thuyết thủy thổ
	4. Thuyết tạng tượng

### Dương hư là chứng bệnh gồm các biểu hiện sau:

* 1. Chân tay nóng, sợ gió, thích bật quạt
	2. Liệt dương, mạch trầm vô lực, tiểu tiện trong
	3. Đại tiện táo, tiểu tiện đỏ, rêu lưỡi khô

D. Chân tay nóng, thích uống nước mát, đau thiện án

### Phát biểu nào sau đây không đúng:

* 1. Tâm chủ huyết mạch

B. Tỳ chủ mắt

1. Can chủ cân
2. Phế chủ bì mao

### Để tăng tác dụng quy kinh của thuốc vào các tạng Phế, người ta tẩm:

* 1. Tẩm vị thuốc với nước gừng
	2. Tẩm vị thuốc với nước dấm
	3. Tẩm vị thuốc với nước muối nhạt

D. Tẩm vị thuốc với với mật ong

### Vị thuốc được mệnh danh thông hành 12 kinh:

* 1. Cam thảo
	2. Mạch môn

B. Cát cánh

D. Trần bì